UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39 /2023/QĐ-UBND	*Lai Châu, ngày 18 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê nước mặt trong khu kinh tế, khu công nghệ cao; số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 quy định về khung giá đất; số 148/2020/NĐ- CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê nước mặt trong khu kinh tế, khu công nghệ cao; số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng xác định giá đất cụ thể.

2. Tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất

1. Nhóm đất nông nghiệp: Hệ số điều chỉnh giá đất k = 1,05 đối với tất cả các vị trí của các loại đất được quy định trong bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp:

(Chi tiết biểu phụ lục kèm theo)

Điều 4. Các trường hợp áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất

1. Quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai).

a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai, xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng.

b) Xác định giá đất để làm căn cứ tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo.

c) Xác định giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

2. Quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

Đối với trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng áp dụng để xác định tiền sử dụng đất trong các trường hợp:

a) Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

c) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

3. Quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước).

a) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng.

b) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định tiếp theo đối với thửa đất hoặc khu đất được Nhà nước cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 10 tỷ đồng trở lên.

c) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản).

d) Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan Thuế có trách nhiệm: Căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để xác định và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc về giá đất (sau khi áp dụng hệ số) để xác định nghĩa vụ tài chính thì Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phản ánh, đề xuất ý kiến gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 và thay thế Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh. Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp; } B/c
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh: V,C;
- Công báo tỉnh; Đài PT-TH tỉnh; Báo Lai Châu;
- Lưu: VT, Kt4.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

BẢNG 1: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ; HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ; HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
I	**THÀNH PHỐ LAI CHÂU**					
1	Đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1,35	1,20	1,10
2	Đường 30-4	Tiếp giáp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1,40	1,20	1,10
3	Đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh	1,40		
4	Phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1,20	1,10	1,05
5	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1,25		
6	Phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng	1,25		
7	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1,30	1,10	1,05
8	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1,40	1,15	1,10
9	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1,35	1,10	1,05
10	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường đại lộ Lê Lợi (Giáp chân núi Nùng Nàng)	1,40	1,15	1,10
11	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1,20		
12	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú	1,25	1,10	1,05
13	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường 19-8 và đường Điện Biên Phủ	1,30	1,10	1,05
14	Đường 19-8	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1,35	1,15	1,05
15	Đường 19-8	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	1,35	1,15	1,05
16	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1,20	1,10	1,05
17	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường tránh ngập	1,15	1,10	1,05
18	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	1,15	1,10	1,05
19	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap	1,15	1,10	1,05
20	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1,30	1,15	1,05
21	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Loỏng cũ	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	1,30	1,15	1,05
22	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1,30	1,15	1,05
23	Đường Tôn Đức Thắng kéo dài	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cổng trường mầm non Bình Minh	1,20	1,10	1,05
24	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1,20	1,10	1,05
25	Đường 10-10 (20,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1,20		
26	Đường 10-10 kéo dài (20,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cuối đường	1,20		
27	Đường Tô Hiệu (13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường số 5	1,15		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
28	Đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1,20	1,10	1,05
29	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30-4	1,25	1,15	1,10
30	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1,30	1,15	1,10
31	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	1,30	1,15	1,10
32	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	1,40	1,20	1,15
33	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	1,40	1,20	1,15
34	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	1,40	1,20	1,15
35	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1,35	1,15	1,10
36	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	1,35	1,15	1,10
37	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	1,30	1,15	1,10
38	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	Hết địa phận phường Quyết Thắng	1,30	1,15	1,10
39	Đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường hình bán nguyệt (Khu vườn cây)	1,35		
40	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	1,30	1,15	1,10
41	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	1,40	1,15	1,10
42	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên	1,15	1,10	1,05
43	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	1,30	1,15	1,10
	KHU DÂN CƯ 1A					
44	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	1,30	1,15	1,10
45	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1,15		
46	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1,20		
47	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1,30		
48	Phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1,15		
49	Phố Phạm Hồng Thái	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1,15		
50	Đường Trần Khát Chân	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	1,15		
51	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	1,15		
52	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	1,15		
53	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	1,15		
54	Phố Nguyễn Phong Sắc	Tiếp giáp đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí kiên	1,15		
55	Tuyến số 1 (Đường Phạm Văn Đồng kéo dài)	Tiếp giáp tuyến số 3	Tiếp giáp tuyến số 4	1,20	1,10	1,05
56	Tuyến số 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Phong Sắc	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	1,15		
57	Tuyến số 3, số 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp tuyến số 1	1,20		
58	Đường nhánh tổ 23, phường Đông Phong	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	1,15	1,05	1,05
59	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1,15		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
	KHU DÂN CƯ 1B					
60	Phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1,30		
61	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1,20		
62	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1,20		
63	Phố Trần Bình Trọng (Đường A4)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1,15		
64	Phố Trần Nhật Duật (Đường A5)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1,15		
65	Phố Trần Quang Khải	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	1,15		
66	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1,15		
67	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đổng Chi	1,15		
68	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đổng Chi	1,15		
69	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1,15		
70	Phố Nguyễn Đổng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1,15		
71	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	1,15		
72	Đường A14	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	1,15		
73	Phố Nguyễn Văn Trỗi (Gồm 2 nhánh)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1,20		
74	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	1,15		
75	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1,15		
76	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1,15		
77	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	1,25	1,15	1,10
78	Phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	1,20		
79	Phố Triệu Quang Phục (1B-6)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1,20		
80	Phố Đặng Dung (1B-7)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1,15		
81	Phố Nguyễn Trung Trực (1B-8)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1,15		
82	Đường 1B-9 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hung	1,15		
83	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1,15		
84	Đường đi Đông Pao	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận phường Đông Phong	1,15	1,05	1,05
85	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	1,15		
86	Phố Phùng Hưng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường số 1B-9 (13,5m)	1,15		
87	Đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp trường tiểu học San Thàng	1,15	1,05	1,05
	KHU DÂN CƯ SỐ 1 MỞ RỘNG					
88	Đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trần Khát Chân	1,20		
	KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, CHÍNH TRỊ TỈNH					
89	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai	1,20		
90	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1,20		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
91	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1,20		
92	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1,20		
93	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1,20		
94	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong	1,20		
95	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	1,20		
96	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	1,20		
97	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1,20		
98	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1,20		
99	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	1,20		
100	Đường số 5-10 (11,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Vòng sau nhà Văn Hoá vòng trở lại Đường Hoàng Quốc Việt	1,20		
101	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới đất chợ Tân Phong 2	1,20		
102	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1,20		
103	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1,20		
104	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1,15		
105	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1,15		
106	Đường nhánh số 2,3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	1,15		
	KHU DÂN CƯ SỐ 2					
107	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	1,20	1,10	1,05
108	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1,20	1,10	1,05
109	Phố Trịnh Hoài Đức (T01)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1,20		
110	Phố Lê Văn Hưu (T02)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1,20		
111	Đường T03 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Cuối đường	1,20	1,10	1,05
112	Đường D01 (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1,20		
113	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1,20		
114	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	1,20	1,10	1,05
115	Phố Quyết Tiến	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường D01	1,20		
116	Đường đi xã Nùng Nàng	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Hết địa phận thành phố	1,15	1,05	1,05
117	Đường đi Nùng Nàng - Nậm Tăm	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Hết địa phận thành phố Lai Châu	1,15	1,05	1,05
	KHU DÂN CƯ 2A					
118	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1,20		
119	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường 2-6	1,20		
120	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	1,20		
121	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1,20		
122	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường 4A	1,20		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
123	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1	1,20		
124	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1,20		
125	Phố Nguyễn Văn Tố	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1,20		
126	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A	1,20		
127	Đường 1-1	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	1,20		
	KHU DÂN CƯ SỐ 2B					
128	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1,20		
129	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Phạm Công Bân	1,20		
130	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1,30		
131	Phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1,30		
132	Đường 6B (13,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh	1,20		
133	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1,20		
134	Phố Cù Chính Lan	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1,25		
135	Phố Phạm Công Bân (Đường 9B - 13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1,20	1,10	1,05
136	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	1,20		
137	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường nhánh vào bản Tả Làn Than	1,20	1,10	1,05
138	Phố Đặng Văn Chung (Đường 2B2 - 31m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1,20		
139	Đường Trần Duy Hưng (Đường 2B3 - 11,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1,15		
	KHU DÂN CƯ SỐ 2C					
140	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1,20		
141	Đường Trần Qúy Cáp	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toản	1,20		
142	Phố Trần Quốc Toản	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1,20		
143	Phố Nguyễn Tri Phương	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1,20		
	KHU DÂN CƯ SỐ 2 (ĐỐI DIỆN BỘ CHỈ HUY BIÊN PHÒNG)					
145	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1,30		
146	Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp trục N-01	Tiếp giáp trục N-04	1,20		
147	Phố Kim Đồng	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp trục N-04	1,20	1,10	1,05
148	Đường N-04	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Kim Đồng	1,20		
	KHU TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI					
149	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1,30		
150	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	1,30		
151	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	1,30		
152	Đường 28-06	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1,30		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
153	Đường T1	Tiếp giáp đường 28-06	Tiếp giáp phố Thành Công	1,20		
	KHU LIÊN HỢP THỂ THAO (KHU DÂN CƯ SỐ 2 MỞ RỘNG)					
154	Đường D5, D6 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1,20		
155	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1,20		
156	Phố Lê Lai	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1,20		
157	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiền	1,20		
158	Phố Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	1,20		
159	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1,25		
160	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1,20		
161	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	1,20		
162	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1,20		
163	Phố Cao Bá Quát (Đường T1-13,5m)	Tiếp giáp phố Tản Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1,20		
164	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	1,20		
165	Phố Tản Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1,15		
166	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1,25		
167	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1,20		
168	Đường Lò Văn Hạc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tản Đà	1,20		
	KHU NHÀ MÁY CHÈ TAM ĐƯỜNG					
169	Đường vào nhà máy chè	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp cổng nhà máy chè	1,15	1,05	1,05
170	Ngõ 076 (Đường lên đền Lê Lợi), đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết địa phận nhà ông Bùi Đức Thiện	1,15	1,05	1,05
171	Đường nhánh từ đền Lê Lợi đến bản Thành Lập phường Đoàn Kết			1,15	1,05	1,05
	KHU NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL (CŨ)					
172	Ngõ 368 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh Đại lý YAMAHA)	Tiếp giáp đường vào nhà máy gạch Tuynel (cũ)	1,15	1,05	1,05
173	Ngõ 226 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Nhà máy gạch Tuynel cũ	1,15	1,05	1,05
174	Đường ngách bám ngõ 226 đường Trần Hưng Đạo			1,15		
175	Ngõ 237 đườngTrần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	1,15	1,05	1,05
	KHU DÂN CƯ SỐ 4					
176	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19-8	Hết ranh giới đất Sân vận động	1,30		
177	Phố Chiêu Tấn (Kéo dài)	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ranh giới Sân vận động	1,20	1,10	1,05

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
178	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	1,30	1,15	1,10
179	Đường nhánh	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn kéo dài	1,15	1,05	1,05
180	Phố Nguyễn Thiện Thuật	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Trần Cao Vân	1,20	1,10	1,05
181	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp phố Lê Văn Thiêm	1,20		
182	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp phố Nguyễn Thiện Thuật	1,20	1,10	1,05
183	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	1,20	1,10	1,05
184	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1,20	1,10	1,05
185	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1,20		
186	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	1,20		
187	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1,30		
188	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1,20		
189	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	1,25	1,15	1,10
190	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	1,20		
191	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	1,20		
192	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	1,20		
193	Đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Phú	1,25		
194	Phố Nguyễn Thiếp (D5 - 13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp phố Hoàng Công Chất	1,20		
195	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	1,20		
196	Phố Bạch Đằng (Đường số 10 - 13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1,20		
197	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1,20		
198	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	1,20		
199	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1,20		
200	Phố Lê Đại Hành (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	1,20		
201	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	1,20		
202	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	1,20		
203	Đường D13 (13m)	Tiếp giáp đường số 11	Tiếp giáp đường số D13A	1,20		
204	Đường D13A (13m)	Tiếp giáp phố Mường Than	Tiếp giáp đường số 11	1,20		
205	Phố Mường Than	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường D13A	1,20		
206	Đường N16 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường D13	1,20		
207	Đường tránh ngập	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường 19-8	1,15	1,05	1,05
208	Đường nhánh (Cạnh đường 19-8, tổ 8, phường Đoàn Kết)	Tiếp giáp nhà ông Đinh Tây Lâm	Tiếp giáp nhà ông bà Kinh Thống	1,15	1,10	1,05
209	Đường nhánh sau Sân vận động	Từ trường Mầm non Hoa Sen	Tiếp giáp trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1,15	1,05	1,05
	KHU AO CÁ BÁC HỒ					
2010	Ngõ 224 đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Phú	Cuối đường	1,15	1,05	1,05

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
2011	Đường nhánh bám Ao cá Bác Hồ thuộc phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngõ 224 đường Trần Phú	1,15	1,05	1,05
	KHU DÂN CƯ SỐ 5 (SAU KHO BẠC TỈNH)					
212	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	1,15		
213	Đường C5	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	1,15		
214	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mẫn	1,15		
215	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mẫn	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	1,15		
216	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	1,15		
	KHU DÂN CƯ SỐ 6					
217	Đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp đường số 11	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1,25		
218	Đường số 11	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1,20		
219	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường số 11	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1,20		
220	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	1,20		
221	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1,15		
222	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1,15		
223	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	1,15		
224	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1,20	1,10	1,05
225	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	1,15	1,10	1,05
226	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1,15	1,10	1,05
227	Đường ven Hồ thượng lưu	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1,20	1,10	1,05
	KHU KHÁCH SẠN MƯỜNG THANH					
228	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1,20		
229	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	1,30		
230	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1,20	1,10	1,05
231	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1,20		
232	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1,15		
233	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1,15		
	KHU DÂN CƯ SỐ 3, SỐ 7, KHU DÂN CƯ PHÍA TÂY NAM VÀ KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH - CHÍNH TRỊ THÀNH PHỐ					
234	Đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (Chợ phường Quyết Thắng)	1,15	1,10	1,05
235	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1,15		
236	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	1,15		
237	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	1,15		
238	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1,15		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
239	Đường V1 (13,5m)	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp đường N2	1,15		
240	Đường N2 (13,5m)	Tiếp giáp đường N4	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	1,15		
241	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếp giáp đường 10-10	1,15		
242	Phố Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1,15		
243	Phố Bà Triệu (Đường R6A)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1,20		
244	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1,15		
245	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1,15		
246	Đường N1	Tiếp giáp đường N3	Tiếp giáp phố Nguyễn Bỉnh Khiêm	1,15		
247	Đường N3	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp đường N2	1,15		
248	Đường N4	Tiếp giáp đường N1	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1,15		
249	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	1,15		
250	Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp phố Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	1,15		
251	Đường L1, L2	Tiếp giáp phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1,15		
252	Phố Nguyễn Tuân	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	1,15		
253	Đường R13	Tiếp giáp Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1,15		
254	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1,15		
255	Đường nhánh (Cạnh TT Y tế dự phòng thành phố)	Tiếp giáp Nguyễn Trãi	Giáp đường nhánh (Từ Võ Nguyên Giáp đến Trần Can)	1,15		
256	Đường nhánh chạy qua bản Séo Lản Than, Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2 thuộc phường Quyết Thắng			1,15	1,05	1,05
257	Đường nhánh bê tông (Bám mương nước phường Quyết Thắng)	Từ đường 10-10	Tiếp giáp đường chạy qua bản Séo Lản Than thuộc phường Quyết Thắng	1,15	1,05	1,05
258	Đường N12 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường N14	1,15		
259	Đường N14 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Cuối đường	1,15		
260	Đường N13 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường N12	Cuối đường	1,15		
261	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	1,15		
262	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	1,15		
263	Đường nhánh (tổ 7, phường Quyết Tiến)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	1,15	1,05	1,05
264	Đường nhánh (Bản Nậm Loỏng 3, phường Quyết Thắng)	Tiếp giáp đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1,15	1,05	1,05
265	Đường nhánh phía sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố (Tổ 1, phường Quyết Tiến)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1,15	1,05	1,05
	KHU ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ 450M^2					

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
266	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap	1,15		
267	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap	1,15		
268	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu	1,15		
	KHU TÁI ĐỊNH CƯ TẢ LÀN THAN					
269	Đường số 7 (Nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1,15	1,05	1,05
270	Đường số 7 (Nhánh 2 vuông góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường	1,15	1,05	1,05
	CÁC ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG BỔ SUNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 44/2021/QĐ-UBND NGÀY 06/12/2021 CỦA UBND TỈNH LAI					
271	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	1,15		
272	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	1,25		
273	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1,15	1,10	1,05
274	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1,15	1,10	1,05
275	Đường đi UBND xã Sùng Phài cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong	1,15	1,10	1,05
276	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	1,15	1,10	1,05
277	Đường ven hồ lắng	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1,15	1,10	1,05
278	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1,15	1,10	1,05
279	Đường nhánh ngõ 226	Tiếp giáp ngõ 226 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 368 đường Trần Hưng Đạo	1,15	1,10	1,05
280	Đường ngách 003 ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 226 đường Trần Hưng Đạo	1,15	1,10	1,05
281	Ngõ 262 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường nhánh ngõ 226	1,15	1,10	1,05
282	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	1,15	1,10	1,05
283	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	1,15		
284	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	1,15	1,10	1,05
285	Các vị trí còn lại của thành phố			1,05		
II	**HUYỆN THAN UYÊN**					
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	1,40	1,20	1,15
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	1,35	1,15	1,10
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an huyện (Số nhà 402)	1,35	1,15	1,10

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an huyện (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	1,30	1,15	1,10
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên	1,30	1,15	1,10
6	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Công an huyện cũ khu 2 (Phòng Cảnh sát PCCC)	1,25	1,10	1,10
7	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	1,15	1,10	1,05
8	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	1,20	1,10	1,05
9	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	1,20	1,10	1,05
10	Đường 15/10	UBND thị trấn Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	1,20	1,10	1,05
11	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	1,15	1,10	1,05
12	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	1,15	1,10	1,05
13	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	1,25	1,10	1,05
14	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	1,15	1,10	1,05
15	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	1,15	1,10	1,05
16	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1,15	1,10	1,05
17	Ngõ Đi Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bản Đông	1,15	1,10	1,05
18	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện uỷ (Số nhà 017)	1,25	1,10	1,05
19	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện uỷ (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	1,20	1,10	1,05
20	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất Phòng Tài chính-KH (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hội trường UBND huyện khu 2 (Số nhà 005)	1,20	1,10	1,05
21	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	1,25	1,10	1,05
22	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	1,20	1,10	1,05
23	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	1,25	1,10	1,05
24	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	1,20	1,10	1,05
25	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	1,20	1,10	1,05
26	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	1,20	1,10	1,05
27	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	1,15	1,10	1,05

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	1,15	1,10	1,05
29	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	1,15	1,10	1,05
30	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	1,15	1,10	1,05
31	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	1,15	1,10	1,05
32	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trượng	1,10	1,05	1,05
33	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	1,15	1,10	1,05
34	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	1,15	1,10	1,05
35	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	1,15	1,10	1,05
36	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	1,15	1,10	1,05
37	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	1,15	1,10	1,05
38	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đô khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên	1,15	1,10	1,05
39	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	1,15	1,10	1,05
40	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	1,15	1,10	1,05
41	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	1,15	1,10	1,05
42	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	1,15	1,10	1,05
43	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	1,20	1,10	1,05
44	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	1,15	1,10	1,05
45	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	1,15	1,10	1,05
46	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	1,20	1,10	1,05
47	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	1,15	1,10	1,05
48	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	1,10	1,05	1,05
49	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	1,10	1,05	1,05
50	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	1,10	1,05	1,05
51	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	1,15	1,10	1,05
52	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	1,10	1,05	1,05
53	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	1,10	1,05	1,05
54	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	1,10	1,05	1,05
55	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	1,15	1,10	1,05
56	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đối diện cổng Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn	1,15	1,10	1,05
57	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	1,10	1,05	1,05

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
58	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất đường huyện Ủy (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	1,10	1,05	1,05
59	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	1,10	1,05	1,05
60	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	1,10	1,05	1,05
61	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	1,15	1,10	1,05
62	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới đất HTX Xuân Thủy (Số nhà 015)	1,15	1,10	1,05
63	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	1,10	1,05	1,05
64	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	1,10	1,05	1,05
65	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	1,10	1,05	1,05
66	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	1,10	1,05	1,05
67	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	1,15	1,10	1,05
68	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	1,10	1,05	1,05
69	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Cổng Huyện đội (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	1,15	1,10	1,05
70	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	1,10	1,05	1,05
71	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	1,10	1,05	1,05
72	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	1,10	1,05	1,05
73	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	1,10	1,05	1,05
74	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	1,10	1,05	1,05
75	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	1,10	1,05	1,05
76	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	1,10	1,05	1,05
77	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	1,10	1,05	1,05
78	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	1,10	1,05	1,05
79	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	1,15	1,10	1,05
80	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	1,15	1,10	1,05
81	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trạm Y tế (Số nhà 002)	1,15	1,10	1,05
82	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	1,15	1,10	1,05
83	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	1,10	1,05	1,05
84	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đấu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	1,10	1,05	1,05
85	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	1,10	1,05	1,05
86	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	1,10	1,05	1,05
87	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	1,10	1,05	1,05
88	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	1,10	1,05	1,05
89	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	1,15	1,10	1,05

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
90	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	1,10	1,05	1,05
91	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	1,10	1,05	1,05
92	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	1,20	1,10	1,05
93	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	1,10	1,05	1,05
94	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	1,10	1,05	1,05
95	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	1,15	1,10	1,05
96	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn			1,05		
III	**HUYỆN TÂN UYÊN**					
1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	1,35	1,25	1,20
2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cống Tổ 3	1,30	1,25	1,20
3	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nọi	Hết ranh giới đất Chi cục thuế	1,30	1,25	1,20
4	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Chi cục thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Thân Thuộc)	1,30	1,25	1,20
5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cống Tổ 3	Hết địa phận thị trấn (Giáp xã Phúc Khoa)	1,25	1,15	1,10
6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (cổng sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	1,25	1,15	1,10
7	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	1,25	1,15	1,10
8	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	1,25	1,15	1,10
9	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	1,20	1,15	1,10
10	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	1,20	1,15	1,10
11	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	1,30	1,20	1,15
12	Phố Vừ A Dính	Đường Lê Lợi (Km381+990)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên	1,20	1,15	1,10
13	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	1,20	1,15	1,10
14	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	1,10	1,05	1,05
15	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	1,20	1,15	1,10
16	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	1,20	1,15	1,10
17	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	1,20	1,15	1,10
18	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	1,15	1,10	1,05
19	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	1,15	1,10	1,05
20	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	1,25	1,20	1,15

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
21	Đường nhánh nội thị	Tiếp giáp đường nội thị	Nhà văn hóa khu cơ quan	1,15	1,10	1,05
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	1,15	1,10	1,05
23	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hô Be	1,10	1,05	1,05
24	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung đô thị Thị trấn Tân Uyên	1,10	1,05	1,05
25	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	1,10	1,05	1,05
26	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1,30		
27	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1,30		
28	Phố Lương Đình Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	1,10	1,05	1,05
29	Các Bản và Tổ dân phố còn lại			1,10	1,05	1,05
	Khu Trung tâm Hành chính - Chính trị huyện					
30	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	1,30		
31	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú huyện	1,30		
32	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyến)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông huyện	1,30		
33	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê huyện	1,30		
34	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	1,20		
35	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	1,20		
36	Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	1,20		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
37	Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	1,20		
	CÁC ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG BỔ SUNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 44/2021/QĐ-UBND NGÀY 06/12/2021 CỦA UBND TỈNH LAI					
38	Đường bám xung quanh sân vận động huyện Tân Uyên	Đầu đường	Cuối đường	1,20		
39	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn			1,05		
IV	**HUYỆN TAM ĐƯỜNG**					
1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	1,30	1,15	1,10
2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	1,30	1,15	1,10
3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cấu	1,25	1,15	1,10
4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mường Cấu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1,20	1,10	1,05
5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu	1,20	1,10	1,05
6	Đường Tác Tình	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	1,20	1,10	1,05
7	Đường Lương Định Của	Đầu đường	Cuối đường	1,20	1,10	1,05
8	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	1,40	1,15	1,10
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	1,20	1,10	1,05
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1,25	1,15	1,10
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	1,35	1,15	1,10
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	1,35	1,15	1,10
13	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn	1,30	1,15	1,10
14	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	1,20		
15	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	1,20		
16	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	1,20		
17	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tình	1,20		
18	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	1,25		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
19	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	1,25		
20	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	1,25		
21	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	1,25		
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1,25		
23	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1,25		
24	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	1,20		
25	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1,20		
26	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	1,20		
27	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1,25	1,10	1,05
28	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1,25	1,10	1,05
29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	1,20		
30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	1,20		
31	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	1,20		
32	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1,25		
33	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1,25		
34	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	1,20	1,10	1,05
35	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1,25		
36	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	1,30		
37	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	1,30		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
38	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Tác Tình	1,20	1,10	1,05
39	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1,25	1,15	1,05
40	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	Phố Tố Hữu	1,15	1,10	1,05
41	Phố Tố Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	1,15	1,10	1,05
42	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1,25		
43	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn			1,05		
	CÁC ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG BỔ SUNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 44/2021/QĐ-UBND NGÀY 06/12/2021 CỦA UBND TỈNH LAI					
44	Khu D, đường số 8 khu Trung tâm hành chính giáo dục	Đầu đường	Cuối đường	1,20		
45	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	1,15	1,10	1,05
46	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	1,15	1,10	1,05
47	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	1,15	1,10	1,05
48	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	1,15	1,10	1,05
49	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	1,15	1,10	1,05
50	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	1,15	1,10	1,05
51	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	1,15		
52	Đường Bế Văn Đàn	Đầu đường	Cuối đường	1,10		
53	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	1,15		
54	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	1,15		
V	**HUYỆN SÌN HỒ**					
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	1,30	1,20	1,10
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	1,30	1,20	1,10
3	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	1,30	1,20	1,10
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Lai	1,25	1,15	1,10
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC huyện	1,25	1,15	1,10
6	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	1,25	1,15	1,10
7	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	1,20	1,15	1,10

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
8	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	1,20	1,15	1,10
9	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện huyện)	1,20	1,15	1,10
10	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú huyện	1,20	1,15	1,10
11	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	1,15	1,10	1,05
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTDTĐC huyện	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	1,15	1,10	1,05
13	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	1,15	1,10	1,05
14	Đường nội thị giáp dãy nhà phía Tây chợ	Ranh giới đất nhà ông Võ - Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Dinh - Cấp	1,15	1,10	1,05
15	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện chợ cũ)	1,15	1,10	1,05
16	Phố Chu Văn An	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	1,20	1,15	1,10
17	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS thị trấn	1,15	1,10	1,05
18	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	1,30	1,20	1,10
19	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	1,25	1,15	1,10
20	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	1,20	1,15	1,10
21	Phố Vừ A Dính	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	1,15	1,10	1,05
22	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	1,15	1,10	1,05
23	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Từ	Hết ranh giới đất nhà ông Triều-Sợi	1,15	1,10	1,05
24	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Triều-Sợi	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)	1,15	1,10	1,05
25	Phố Bế Văn Đàn	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (Đàu cầu Hoàng Hồ)	1,15	1,10	1,05
26	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba-đường vào xã Tả Phìn)	1,15	1,10	1,05
27	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	1,10	1,05	1,05
28	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khính	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	1,10	1,05	1,05
29	Đường nội thị	Ranh giới đất Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc huyện	1,10	1,05	1,05
30	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Lai Châu)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chăn Nưa)	1,10	1,05	1,05
31	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sìn Hồ Vây	1,10	1,05	1,05
32	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	1,25	1,15	1,05
33	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	1,10	1,05	1,05

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
34	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	1,10	1,05	1,05
35	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn			1,05		
	CÁC ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG BỔ SUNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 44/2021/QĐ-UBND NGÀY 06/12/2021 CỦA UBND TỈNH LAI					
36	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1,10	1,05	1,05
37	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tẩy	1,10	1,05	1,05
VI	**HUYỆN PHONG THỔ**					
1	Đường Điện Biên Phủ	Đoạn từ Km0	Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	1,25		
2	Đường Điện Biên Phủ	Đoạn từ Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	Km1+600	1,20	1,15	
3	Quốc lộ 4D	từ Km1+600	Km2+400 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ)	1,15	1,10	1,05
4	Quốc lộ 4D	Km2+400	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	1,10	1,05	1,05
5	Đường vào thôn Thẩm Bú	Đấu nối Quốc lộ 4D	Đấu nối Quốc lộ 100	1,10	1,05	1,05
6	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	1,15	1,10	1,05
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	1,20		
8	Đường Điện Biên Phủ	Từ cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	1,25		
9	Đường Điện Biên Phủ	Từ Km 20+200	Km21 (Hết bệnh viện)	1,20	1,15	1,10
10	Đường Điện Biên Phủ	Từ Km21	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ)	1,15	1,10	1,05
11	Quốc lộ 12	Km21+300	Km25+500 (Hết địa phận Thị trấn Phong Thổ)	1,10	1,05	1,05
	Khu dân cư phía Nam					
12	Phố Bế Văn Đàn	Đường Điện Biên Phủ	Đường Điện Biên Phủ	1,15		
13	Đường Chu Văn An	- Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1,15		
14	Đường Chu Văn An	- Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1,15		
15	Đường Chu Văn An	- Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1,15		
16	Phố Nguyễn Chương	Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1,15		
17	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1,15		
18	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1,10		
19	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1,10		
20	Đường Chu Văn An	Đầu đường	Cuối đường	1,10		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
	Khu dân cư phía Bắc					
21	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Đầu đường	Cuối đường	1,15		
22	Phố Tô Vĩnh Diện	Đầu đường Đường Võ Nguyên Giáp	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp	1,15		
23	Phố Trần Can	Đầu đường Đường Võ Nguyên Giáp	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp	1,15		
24	Phố Phan Đình Giót	Phố Trần Can	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp (giáp cầu Hòa Bình)	1,15		
25	Đường Thanh Niên	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp (giáp cầu Hòa Bình)	Cầu Pa So	1,15		
26	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1,20		
27	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Nguyên Giáp	1,15		
28	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Nguyên Giáp	1,15		
29	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12 (huyện đội)	Tiếp giáp QL12 (Công an huyện)	1,10		
30	Các tuyến còn lại thôn Đoàn Kết			1,10		
31	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn			1,05		
	CÁC ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG BỔ SUNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 44/2021/QĐ-UBND NGÀY 06/12/2021 CỦA UBND TỈNH LAI					
32	Đường Thanh Niên	Giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu Pa So	1,15		
33	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ)	1,10	1,05	1,05
VII	**HUYỆN NẬM NHÙN**					
1	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Hết cầu Nậm Dòn	1,15	1,10	1,05
2	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	1,15	1,10	1,05
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Hết cầu Nậm Hàng	1,20	1,15	1,10
4	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	1,20	1,15	1,10
5	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng (đi huyện Mường Tè)	1,15	1,10	1,05
6	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cầy	1,15	1,10	1,05

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng (đi bản Nậm Cầy)	1,15	1,10	1,05
8	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	1,15	1,10	1,05
9	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	1,15	1,10	1,05
10	Đường Lê Thái Tổ	Từ Nhà ông Vàng Văn Tiến	Tiếp giáp đất ông Hoàng Ngọc Khải	1,20	1,15	1,10
11	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính huyện	1,20	1,15	1,10
12	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	1,15	1,10	1,05
13	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	1,15	1,10	1,05
14	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp bờ kè Sông Đà	1,25	1,20	1,15
15	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	1,20	1,15	1,10
16	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	1,20	1,15	1,10
17	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	1,20	1,15	1,10
18	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phượng Huyền	1,20	1,15	1,10
19	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn	1,20	1,15	1,10
20	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	1,15	1,10	1,05
21	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	1,15	1,10	1,05
22	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh	1,15	1,10	1,05
23	Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	1,20	1,15	1,10
24	Đường nội thị N2	Ngã ba tiếp giáp đường D3	Tiếp giáp đường N1	1,25	1,15	1,10
25	Đường nội thị N3	Tiếp giáp đường 36	Tiếp giáp đường D9	1,20	1,15	1,10

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
26	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	1,15	1,10	1,05
27	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn			1,05		
VIII	**HUYỆN MƯỜNG TÈ**					
1	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách huyện	1,20	1,15	1,10
2	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	1,15	1,10	1,10
3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	1,15	1,10	1,10
4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa	1,15	1,10	1,10
5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	1,20	1,15	1,10
6	Đường Chu Văn An	Giao với đườngĐiện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	1,20	1,15	1,10
7	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	1,20	1,15	1,10
8	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	1,20	1,15	1,10
9	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	1,20	1,15	1,10
10	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	1,20	1,15	1,10
11	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều	1,20	1,15	1,10
12	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	1,15	1,10	1,05
13	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đến bờ kè tam cấp	1,15	1,10	1,05
14	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	1,15	1,10	1,05
15	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	1,15	1,10	1,05
16	Phố Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX huyện	1,15	1,10	1,05
17	Đường nội thị	Tiếp giáp cổng trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim	1,15	1,10	1,05
18	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự huyện	1,15	1,10	1,05
19	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa khu 2	1,15	1,10	1,05
20	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	1,15	1,10	1,05
21	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH khu phố 3	1,15	1,10	1,05
22	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	1,15	1,10	1,05
23	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn	1,15	1,10	1,05
24	Đường nội thị	Trường THCS thị trấn	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	1,15	1,10	1,05
25	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lỳ Ma Xá	1,15	1,10	1,05
26	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	1,15	1,10	1,05
27	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	1,10		
28	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cấu	1,10		

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Vị trí		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
29	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1,10		
30	Đường nội thị	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp NVH khu phố 12	1,20	1,15	1,10
31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	1,10	1,05	1,05
32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyến khu phố 12)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn)	1,20	1,15	1,10
33	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa-Anh)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	1,30		
34	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cấu)	Cầu Nậm Cấu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	1,20	1,15	1,10
35	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế huyện	1,15	1,10	1,05
36	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	1,25	1,15	1,10
37	Đường nội thị nhánh B2, B3, B4; nhánh 6 (Khu tái định cư thị trấn)	Ngã ba phía sau nhà ông Thọ	Hết đất nhà bà Châm	1,25	1,15	1,10
38	Đường nội thị nhánh 1 (Khu tái định cư thị trấn)	Ngã tư từ nhà ông Hà	Ngã ba hết đất nhà ông Thảo	1,30	1,20	1,15
39	Đường nội thị	Ngã ba Ban quản lý rừng phòng hộ trung tâm	Hết đất Công ty THHH MTV số 15	1,20	1,15	1,10
40	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn			1,05		
	CÁC ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG BỔ SUNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 44/2021/QĐ-UBND NGÀY 06/12/2021 CỦA UBND TỈNH LAI					
41	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp đất nhà bà Hoa Anh	Ngã ba đi cầu TĐC khu phố 1	1,30	1,20	1,10

BẢNG 2: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN; HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN; HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất					
		Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	
I	**THÀNH PHỐ LAI CHÂU**						
1	Đường tránh chợ San Thàng: Đoạn từ tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh đến tiếp giáp đường QL 4D (xã San Thàng)	1,25	1,15	1,10			
2	Quốc lộ 4D: Đoạn từ ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh đến cửa hàng xăng dầu số 18 (xã San Thàng)	1,30	1,20	1,10			
3	Quốc lộ 4D: Đoạn từ tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết địa phận xã Nậm Loỏng	1,25	1,20	1,10			
4	Đường Nguyễn Trãi: Đoạn tiếp địa phận phường Quyết Thắng đến tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1,20	1,15	1,10			
5	Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn tiếp giáp đường Nguyễn Trãi đến hết địa phận xã Nậm Loỏng	1,20	1,15	1,10			
6	Các xã: San Thàng, Sùng Phài	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1.05
7	Đường Trường Chinh (thuộc địa phận xã Sùng Phài)	1,25	1,15	1,10			
II	**HUYỆN THAN UYÊN**						
1	***Xã Mường Cang***						
1.1	Quốc lộ 32: Đoạn từ tiếp giáp cầu Mường Cang đến Cây xăng nhà bà Chứ	1,40	1,20	1,10			
1.2	Quốc lộ 32: Đoạn từ tiếp giáp Cây xăng nhà bà Chứ đến hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	1,40	1,20	1,10			
1.3	Quốc lộ 32: Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ đến hết địa phận xã	1,30	1,15	1,10			
1.4	Đường nhánh: Đoạn từ tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang đến hết ranh giới đất nhà bà Mòn	1,30	1,20	1,10			
1.5	Đường nhánh: Đoạn từ tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang đến hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	1,30	1,20	1,10			
2	***Xã Mường Than***						
2.1	Quốc lộ 32: Đoạn từ tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên đến hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	1,40	1,25	1,15			
2.2	Quốc lộ 32: Đoạn từ tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường đến hết địa phận xã	1,30	1,20	1,10			
3	***Xã Phúc Than***						
3.1	Quốc lộ 32: Đoạn từ điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát đến tiếp giáp cầu Che Bó	1,40	1,25	1,15			
3.2	Quốc lộ 279: Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bàn đến hết ranh giới Trạm kiểm lâm	1,40	1,25	1,15			
3.3	Quốc lộ 32: Đoạn từ cầu Mường Than đến tiếp giáp đường rẽ vào bản Nà Phát	1,30	1,20	1,10			

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất					
		Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	
3.4	Quốc lộ 32: Đoạn từ cầu Che Bó đến hết địa phận xã	1,30	1,20	1,10			
4	***Xã Mường Kim***						
4.1	Quốc lộ 32: Đoạn từ địa phận trường cấp 2 đến giáp cầu sắt	1,40	1,25	1,15			
4.2	Quốc lộ 32: Đoạn từ tiếp giáp địa phận trường cấp 2 đến giáp địa phận xã Mường Cang	1,40	1,25	1,15			
4.3	QL 279: Đoạn từ tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim đến cầu Mường Kim	1,30	1,20	1,10			
4.4	QL 279: Đoạn từ cầu Mường Kim đến đường rẽ vào nhà máy thủy điện	1,30	1,20	1,10			
4.5	QL 279: Đoạn tiếp giáp cầu sắt đến hết địa phận trường THPT Mường Kim	1,30	1,15	1,10			
5	***Mường Cang, Mường Than, Phúc Than***	1,20	1,15	1,10	1,10	1,05	1,05
6	***Hua Nà, Mường Kim, Ta Gia***	1,10	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
7	***Tà Hừa, Khoen On, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu***	1,10	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
III	**HUYỆN TÂN UYÊN**						
1	Quốc lộ 32: Đoạn từ tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên đến hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc	1,20	1,15	1,10			
2	Quốc lộ 32: Đoạn từ Hạt Kiểm Lâm huyện đến hết ranh giới đất quy hoạch chung đô thị thị trấn Tân Uyên đến năm 2030	1,20	1,15	1,10			
3	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư	1,20	1,15	1,10			
4	Các xã: Thân Thuộc, Phúc Khoa	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
5	Các xã: Trung Đồng, Pắc Ta	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05
6	Các xã: Mường Khoa, Nậm Cần	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05
7	Các xã: Nậm Sỏ, Tà Mít, Hố Mít	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05
IV	**HUYỆN TAM ĐƯỜNG**						
1	Quốc lộ 4D: Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Tam Đường đến hết địa phận xã Bình Lư	1,20	1,10	1,05			
2	Quốc lộ 32: Đoạn từ trụ sở UBND xã Bản Bo đến nghĩa trang bản Hưng Phong, xã Bản Bo	1,20	1,10	1,05			
3	Tuyến đường Tam Đường - Bản Hon - Bình Lư: Đoạn từ tiếp giáp địa phận thành phố Lai Châu, đến tiếp giáp ngã ba đi vào Trung tâm xã Bản Giang	1,20	1,10	1,05			
4	Tuyến đường Tam Đường - Bản Hon - Bình Lư: Đoạn từ ngã ba đi vào trung tâm xã Bản Giang, đến tiếp giáp địa phận xã Bản Hon	1,20	1,10	1,05			
5	Tuyến đường Nùng Nàng - Nậm Tăm: Đoạn từ Đại lộ Lê Lợi kéo dài tiếp giáp với thành phố Lai Châu đến ngã ba nối với đường cũ từ thành phố Lai Châu đi Nùng Nàng	1,25	1,15	1,10			
6	Tuyến đường Nùng Nàng - Nậm Tăm đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Tỷ Phùng	1,25	1,15	1,10			
7	Xã Hồ Thầu	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
8	Xã Sơn Bình	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
9	Xã Giang Ma	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất					
		Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	
10	Xã Thèn Sìn	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
11	Xã Bình Lư	1,20	1,15	1,10	1,10	1,05	1,05
12	Các xã: Bản Giang, Bản Hon, Tả Lèng, Nùng Nàng, Nà Tăm, Bản Bo	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05
13	Xã Khun Há	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05
V	**HUYỆN SÌN HỒ**						
1	Các xã: Pa Tần, Chăn Nưa, Nậm Tăm	1,20	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
2	Các xã: Phăng Xô Lin, Tả Ngảo, Noong Hẻo, Ma Quai, Lùng Thàng, Hồng Thu, Làng Mô, Phìn Hồ, Tả Phìn, Sà Dề Phìn, Nậm Cha, Căn Co, Nậm Mạ, Nậm Cuổi, Pa Khoá	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
3	Các xã: Nậm Hăn, Tủa Sín Chải, Pu Sam Cáp	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05
VI	**HUYỆN PHONG THỔ**						
1	Xã Mường So	1,30	1,20	1,15	1,10	1,05	1,05
2	Các xã: Khổng Lào, Bản Lang, Hoang Thèn, Ma Li Pho	1,25	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05
3	Các xã: Nậm Xe, Dào San, Lản Nhì Thàng, Huổi Luông	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
4	Xã Sin Suối Hồ	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
5	Các xã: Sì Lở Lầu, Mồ Sì San, Pa Vây Sử, Ma Li Chải, Vàng Ma Chải, Tung Qua Lìn, Mù Sang	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05
VII	**HUYỆN NẬM NHÙN**						
1	Các xã: Nậm Hàng, Mường Mô, Lê Lợi	1,20	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05
2	Các xã: Trung Chải, Hua Bum, Pú Đao, Nậm Manh	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
3	Các xã: Nậm Ban, Nậm Chà, Nậm Pì	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05
VIII	**HUYỆN MƯỜNG TÈ**						
1	Các xã: Can Hồ, Mường Tè, Bum Nưa	1,20	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05
2	Các xã: Bum Tở, Vàng San, Ka Lăng, Thu Lũm, Nậm Khao	1,15	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05
3	Các xã: Pa Ủ, Pa Vệ Sủ, Tà Tổng, Mù Cả, Tá Bạ	1,10	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05

BẢNG SỐ 3: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU MA LÙ THÀNG

(Kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

BẢNG 3.1: BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI ĐẤT Ở

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Quốc lộ 12	1,25	1,20	1,15
2	(Cuối đường 28m - Km1)	1,25	1,20	1,15
3	Lô số 1	1,25		
4	Lô số 2	1,25		
5	Lô số 3	1,25		
6	Lô số 4	1,25		
7	Khu vực Pô Tô xã Huổi Luông	1,25	1,20	1,15
8	Khu M5, M6, M7	1,25		
9	Khu 23 hộ dân TĐC	1,25		

BẢNG 3.2: BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Quốc lộ 12 (đường 28m)	1,25	1,20	
2	Đường B5, B5 kéo dài	1,25		
3	Đường 13,5m	1,25		
4	Đường tuần tra	1,25		
5	Khu TM1, TM2, TM3, TM4	1,25		

BẢNG 3.3: BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất		
		VT1	VT2	VT3
1	Quốc lộ 12 (đường 28m)	1,25	1,20	
2	Đường B5, B5 kéo dài	1,25		
3	Đường 13,5m	1,25		
4	Đường tuần tra	1,25		
5	Khu TM1, TM2, TM3, TM4	1,25		